

**TÒA ÁN NHA DA
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2021/HS-PT
Ngày 16-6-2021

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHA DA TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhA da tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhA da tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thanh T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhA da tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhA da huyện M , tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị kháng nghị: Lê Thanh T , sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H , xã Đ huyện M , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dA tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Lê Thị Đ (chết); vợ: Lâm Bảo Tr, sinh năm 1994; con: có 01 người con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: có 01. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 24/QĐ-XPHC ngày 23/01/2019 của Công an huyện M , tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”(chưa nộp phạt); bị tạm giữ từ ngày 25/6/2020, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

(Ngoài ra; trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hữu T nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 24/6/2020, Huỳnh Minh Đ nhắn tin qua mạng xã hội zalo cho Nguyễn Hữu T đặt mua 04 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng/01 gói và 04 cây nỏ để sử dụng ma túy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Lê H A rủ Đ mua ma túy sử dụng và đưa cho Đ 200.000 đồng để góp tiền mua ma túy nên Đ tiếp tục nhắn tin

qua zalo cho T đặt mua thêm 01 gói ma túy đá giá 150.000 đồng. Sau đó, Đ và A đến quán cà phê sân vườn M tại ấp A, xã A T, huyện M, tỉnh Bến Tre chờ T đến giao ma túy. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát x đến nhà Lê Thanh T tại ấp H, xã Đ huyện M. Tại đây, T lấy từ trong khẩu trang y tế đang sử dụng ra 05 gói ma túy đá đưa cho T và nói “của thằng Đỏ”, T liền lấy mảnh giấy bạc trong gói thuốc hút gói lại và cất giữ trong người. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát x chở T đến quán cà phê sân vườn M. Trên đường đi, T lấy 05 gói ma túy được gói trong mảnh giấy bạc giao lại cho T cất giữ. Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, T và T đến quán cà phê sân vườn M, tại đây T lấy trong người ra một bao thuốc hiệu SCOTT bên trong có 04 gói ma túy đá đưa cho T giữ và bảo T ở ngoài đợi. T lấy 05 gói ma túy đá ra giao cho Đ nhưng Đ chỉ trả 500.000 đồng nên T lấy lại 02 gói ma túy, giao cho Đ 03 gói ma túy thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu dưới đất, tại vị T bắt quả tang: 02 đoạn ống nhựa màu trắng được cắt ngắn, hàn kín ba cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn), bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu M3, M4).

- Thu giữ của Nguyễn Hữu T : tiền Việt Nam 505.000 đồng; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng; 01 đèn pin roi điện; 01 thẻ ATM; 01 đoạn ống nhựa loại ống hút màu trắng bị cắt ngắn; điện thoại di động hiệu Realme.

- Thu giữ của Huỳnh Minh Đ : 03 đoạn ống nhựa màu trắng được cắt ngắn, hàn kín ba cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn), bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu M1); tiền Việt Nam 34.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

- Thu của Lê H A : 01 điện thoại di động hiệu Vsmart.

- Thu của Lê Thanh T : 01 điện thoại di động hiệu Messter; 01 gói thuốc lá hiệu SCOTT bên trong có: 07 điếu thuốc hiệu SCOTT, 01 gói nylon màu trắng hàn kín ba cạnh, cạnh còn lại có rãnh bóp và viền màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu M2); 01 cái khẩu trang (loại khẩu trang y tế) bên trong có 03 đoạn ống nhựa màu trắng được cắt ngắn, hàn kín ba cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn) bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu M2); 01 xe mô tô biển kiểm soát 71S5 - 6316; 01 con dao lưỡi bằng kim loại đầu vát nhọn, cán làm bằng gỗ; 01 bình gas mini hiệu NaMilux.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Hữu T tại phòng trọ số 8, nhà trọ số 9, Khu phố x, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre thu giữ: 02 cây kéo bằng kim loại màu trắng; 01 bình gas hiệu BLUESKY; 01 bật lửa màu xanh - đen; 02 đoạn ống nhựa loại ống hút màu trắng, một đầu vát nhọn, một đầu hàn kín; 01 đoạn ống nhựa loại ống hút màu trắng được vát nhọn hai đầu; 01 đoạn ống nhựa loại ống hút màu đỏ, hai đầu bằng; 01 cuốn sổ kích thước ngang 7.4cm, dài 10.4cm; 02 đoạn ống

nhựa màu trắng được cắt ngắn, hàn kín ba cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn), bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (ký hiệu M5); 01 hộp bằng nhựa hình trụ bên trong có nhiều gói nylon màu trắng hàn kín ba cạnh phía trên có rãnh bóp và viên màu đỏ chưa qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra, thu giữ mẫu tóc của Nguyễn Hữu T để thực hiện giám định AND.

Quá trình điều tra xác định: do có nhu cầu sử dụng ma túy và cần tiền tiêu xài cá nhân nên trước ngày bị bắt quả tang khoảng một tháng, Nguyễn Hữu T mua ma túy của một thanh niên tên C ở xã TA, huyện M, tỉnh Bến Tre mang về phân nhỏ ra và giao cho Lê Thanh T bán lại cho người nghiện. T hưởng lợi từ việc mua bán ma túy là được T cho ma túy sử dụng và tiền đồ xăng xe. Ngoài lần bị bắt quả tang nêu trên, T và T còn bán ma túy cho nhiều người khác, cụ thể như sau:

- Khoảng 00 giờ ngày 16/6/2020, T đưa ma túy cho T bán cho Hồ Văn H một gói ma túy với giá 200.000 đồng, T thu lợi 200.000 đồng;

- Khoảng 23 giờ ngày 20/6/2020, T đưa ma túy cho T bán cho H một gói ma túy với giá 200.000 đồng, T thu lợi 200.000 đồng;

- Khoảng 14 giờ ngày 22/6/2020, T và T bán cho Huỳnh Minh Đ 01 gói ma túy và 01 cây nỏ với giá 300.000 đồng, T thu lợi 300.000 đồng.

* Tại Kết luận giám định số 61A/2020/GĐMT ngày 25/6/2020 và số 61B/2020/GĐMT ngày 30/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon màu trắng được hàn kín 03 cạnh, cạnh còn lại có rãnh bóp viên màu đỏ và 03 đoạn ống nhựa màu trắng cắt ngắn hàn kín 03 cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn) được niêm phong trong phong bì (ký hiệu M2) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,8227 gam;

Tinh thể màu trắng đựng trong 03 đoạn ống nhựa màu trắng cắt ngắn hàn kín 03 cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn) được niêm phong trong phong bì (ký hiệu M1) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0738 gam;

Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu trắng cắt ngắn hàn kín 03 cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn) được niêm phong trong phong bì (ký hiệu M3) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1200 gam;

Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu trắng cắt ngắn hàn kín 03 cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn) được niêm phong trong phong bì (ký hiệu M4) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1015 gam;

Tinh thể màu trắng đựng trong 02 đoạn ống nhựa màu trắng cắt ngắn hàn kín 03 cạnh (01 cạnh dài, 02 cạnh ngắn) được niêm phong trong phong bì (ký hiệu M5) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2105 gam.

Hoàn lại mẫu vật sau giám định có ký hiệu M2: 1,7167 gam; M3: 0,0572 gam;

M4: 0,0711 gam; M5: 0,1569 gam; mẫu vật M1 đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

* Tại Kết luận giám định số 3628/C09B ngày 31/7/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Tại mặt phía trong của chiếc khẩu trang y tế có dính AND người, kiểu gen (AND) này trùng với kiểu gen của Nguyễn Hữu T .

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HS-ST ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 (ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2020;

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T ; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HS-ST ngày 17-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Bến Tre về phần nhân thân và hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh T , đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng xác định bị cáo Lê Thanh T có 01 tiền sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo; bị cáo có nhận được Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và không có ý kiến gì đối với Quyết định này; bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 năm tù. Xét thấy; ngày 23/01/2019 bị cáo T bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa

nộp phạt, đến ngày 24/6/2020 bị cáo T bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo T không có tiền sự là không đúng quy định của pháp luật, căn cứ vào khoản 1 Điều 7, Điều 74 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì bị cáo còn tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung vào phần lý lịch của bị cáo có 01 tiền sự; mặt khác việc bị cáo T khai nhận các lần phạm tội ngoài lần bị bắt quả tang là thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo T *tự thú* nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T là không chính xác; tuy nhiên để đảm bảo tính ổn định của Bản án sơ thẩm nên giữ nguyên áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo nhưng vẫn tăng hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 03 năm 06 tháng đến 05 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2020. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre được ban hành trong thời hạn kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020, trên địa bàn các xã TA, AT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Bị cáo Nguyễn Hữu T đã nhiều lần bán ma túy (loại Methamphetamine) cho các đối tượng Huỳnh Minh Đ và Hồ Văn H thu lợi bất chính với tổng số tiền 1.005.000 đồng. Tổng khối lượng ma túy (loại Methamphetamine) mà bị cáo Nguyễn Hữu T đã bán bị bắt quả tang và tàng trữ nhằm mục đích mua bán bị tạm giữ là 2,3285 gam. Bị cáo Lê Thanh T trực tiếp mang ma túy đi bán và dùng xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Hữu T đi bán ma túy nên

đồng phạm cùng bị cáo T với vai trò giúp sức.

[3] Về tội danh: bị cáo Lê Thanh T là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháp luật của Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn nhiều lần giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hữu T mua bán trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine; ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang thì trước đó bị cáo còn 03 lần giúp sức cho bị cáo T bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng Huỳnh Minh Đ và Hồ Văn H ; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh T đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo *tự thú* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo *có mẹ ruột là thương binh* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về nhân thân , mặc dù ngày 23/01/2019 bị cáo bị Công an huyện M , tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa nộp phạt nhưng Cơ quan có thẩm quyền không tiến hành cưỡng chế thi hành đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành nên không thể cho rằng người vi phạm cố tình trốn tránh, trì hoãn để được tính thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đến ngày 24/6/2020 bị cáo bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy; căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 74 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo đã hết nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, vì vậy bị cáo không có tiền sự; do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo đã bị Công an huyện M , tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 24/QĐ-XPHC ngày 23/01/2019 với số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành

chính nêu trên vào ngày 25/01/2019; kể từ khi nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho đến khi bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 24/6/2020 thì bị cáo vẫn chưa thực hiện việc nộp phạt, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng không có tiền để nộp phạt. Theo khoản 1 Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính: *“cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính”*. Theo khoản 1 Điều 74 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: *“Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định ...”*. Từ quy định nêu trên thấy rằng; Công an huyện M, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 24/QĐ-XPHC ngày 23/01/2019 đối với bị cáo, đến hết ngày 23/01/2020 thì hết thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên, kể từ ngày 24/01/2020 đến hết ngày 24/01/2021 nếu bị cáo không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên; vào ngày 24/6/2020 bị cáo bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy; như vậy hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo bị bắt quả tang vào ngày 24/6/2020 là còn trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là còn bị xử phạt vi phạm hành chính và bị cáo còn tiền sự, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tiền sự là chưa phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với bị cáo sau khi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị bắt quả tang đã tự giác khai ra những lần mua bán trái phép chất ma túy trước đó; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khẳng định nếu không khai ra những lần mua bán trái phép chất ma túy trước đó thì Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng không phát hiện; việc bị cáo tự giác khai ra những lần mua bán trái phép chất ma túy trước đó là căn cứ để cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử bị cáo về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng *“Phạm tội 02 lần rở lên”* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, nếu không xem xét hành vi tự giác khai ra những lần mua bán trái phép chất ma túy trước đó là hành vi *tự thú* thì sẽ bất lợi cho bị cáo; vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định sau khi phạm tội bị cáo đã *tự thú* và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp;

Xét thấy tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, không những gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống con người, phá hoại hạnh phúc gia đình mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy luôn bị pháp luật nghiêm cấm và xử lý, nhưng bị cáo vẫn cố ý nhiều lần giúp sức cho bị cáo T mua bán trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội rất lớn, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm có liên quan đến ma túy đang diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nguy hiểm khó lường. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 03 năm tù. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ pháp luật; tuy nhiên xử phạt bị cáo 03 năm tù là chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HS-ST ngày 17-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng xác định bị cáo Lê Thanh T có 01 tiền sự và tăng hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, xác định bị cáo có 01 tiền sự và tăng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[6] Về án phí: do Viện kiểm sát kháng nghị Bản án của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P7 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; sửa Bản án sơ thẩm;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2020.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Lê Thanh T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện M (3b);
- VKSND huyện M (1b);
- Công an huyện M (1b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã Đ huyện M (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông